Công ty TNHH Một Thành viên Lâm nghiệp & Dịch vụ Hương Sơn
Khối 4 - Thị Trấn Tây Sơn - Hương Sơn - Tỉnh Hà Tĩnh

Mẫu số: B03-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		17,777,714,207	14,462,406,781
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(15,139,421,002)	(10,979,626,842)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(6,640,978,000)	(9,706,486,400)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(1,446,369,471)	(1,436,703,711)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(318,259,239)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		10,292,567,402	19,430,806,055
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(9,582,414,040)	(10,087,426,619)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(5,057,160,143)***	***1,682,969,264***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(404,013,000)	(2,422,770,135)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(404,013,000)***	***(2,422,770,135)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		11,008,615,000	10,252,060,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7,349,491,712)	(9,650,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***3,659,123,288***	***602,060,000***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(1,802,049,855)**	**(137,740,871)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**1,831,681,981**	**1,969,422,852**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**VII.34**	**29,632,126**	**1,831,681,981**

Lập, Ngày 18 tháng 1 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Trần Hoài Ân	**Trần Đức Anh**	